

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2022/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 100/2022/HNGĐ-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐXX-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1981; Cư trú tại: đường D, khu tái định cư khóm S, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thế C, Sinh năm: 1982; Cư trú tại: đường T, khóm 8H, phường 5R, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Du Thị B – Luật sư của Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Công ty Cổ phần thương mại phát triển S 268; Địa chỉ: đường Trần Hưng Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng);

2. Văn phòng Công chứng C; Địa chỉ: đường N, khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng);

3. Văn phòng công chứng L; Địa chỉ: đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng);

4. Phòng Công chứng số 5T tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: đường T, phường 5L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng);

5. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1983; Cư trú tại: T, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng);

6. Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1977; Cư trú tại: đường C, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng);

7. Bà Tô Thị B, sinh năm 1988; Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Ông Phan Khánh D – Luật sư của Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt);

8. Ông Trần Văn C, sinh năm 1981; Cư trú tại: Ấp T, xã H, thành phố C (vắng);

9. Ông Trần Minh L, sinh năm 1987; Cư trú tại: Ấp T, xã H, thành phố C (vắng);

10. Bà Hứa Thị B, sinh năm 1959; Cư trú tại: Khóm 3A, phường T, thành phố C (vắng)

11. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1961; Cư trú tại: Khóm 3A, phường T, thành phố C (vắng).

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Thế C, là bị đơn và bà Tô Thị B, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Quá trình chung sống vợ chồng với ông Hoàng Thế C, đầu năm 2018 bà T, ông C nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn V và bà Hứa Thị B phần diện tích đất tại thửa đất số 0477 và 0770 tại phường Tân Thành, thành phố C. 02 thửa đất trên ông Vnhờ Trần Minh L, Trần Văn C và Tô Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc chuyển nhượng ông C có giải thích 02 thửa đất của ông Vđang nằm trong khu quy hoạch dự án “nhà ở thương mại an sinh ” do Công ty S 286 là chủ đầu tư nên trong quá trình nhận chuyển nhượng chỉ làm các hợp đồng ủy quyền. Sau đó các vấn đề liên quan đến suất tái định cư thì phía ông Vét, bà Bé, ông C, ông L, bà B sẽ chịu trách nhiệm phối hợp làm thủ tục. Đến ngày 19/01/2018 thì bà T, ông C ký hợp đồng ủy quyền với ông L, ông C, bà B. Sau khi ký hợp đồng bà và ông C đã trả đủ số tiền mua đất cho ông Vét, bà Bé và có làm biên nhận, hiện biên nhận do ông C giữ. Khi vợ chồng bà ly hôn đầu năm 2021 do ông C không cung cấp biên nhận nên Tòa án chưa chia phần tài sản này. Sau đó bà được biết 02 suất tái định cư phần đất do ông L và ông C đứng tên ông C đã chuyển nhượng cho bà Bsố tiền 720.000.000đ, còn phần đất do bà B đứng tên thì bà B đã nhận nền tái định cư tại lô 83 khu BD 9 thuộc khu dân cư Happy Home do Công ty S268 làm chủ đầu tư. Nay bà yêu cầu ông C chia ½ số tiền bán nền cho bà B là 360.000.000đ và yêu cầu được nhận nền tái định cư lô 83 khu BD 9 do bà B

đã nhận nên và bà đồng ý hoàn lại ông C số tiền 200.000.000đ, ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hoàng Thế C trình bày:

Trần Văn C đứng tên 700m², Trần Minh L đứng tên 500m², Tô Thị B đứng tên 500m², đất trồng lúa tọa lạc phường Tân Thành, TP Cà Mau. Quyền sử dụng đất này nằm trong khu quy hoạch của dự án HappyHome cho nên không được sang bán.

Ông C, ông L thuộc diện bị thu hồi đất và được bồi thường 280.000.000đ. Khi đó ông C có thỏa thuận với gia đình ông C và ông L đưa số tiền 280.000.000đ tương đương với tiền bồi thường để sau này nhà nước giao nền tái định cư thì ông C và ông L chuyển nhượng lại cho ông và các bên đồng ý với thỏa thuận này.

Vào ngày 19/01/2018 ông C, ông L có ủy quyền cho ông C và Nguyễn Thị T nhận tiền bồi thường và nhận nền tái định cư. Đến khoảng tháng 6/2019, bà Nguyễn Ngọc B xin mua lại quyền ưu tiên mua 02 lô đất của dự án với giá 700.000.000đ, ông C đồng ý nhượng lại quyền ưu tiên cho bà B. Khi nhận số tiền trên thì dùng 210.000.000đ mua 01 công đất nông nghiệp ở phường Tân Thành, thành phố C và một phần trị bệnh cho bà T, cho vay...; Theo bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST ngày 11/01/2021 Tòa án thành phố C đã xét xử chia cho bà T nhận 01 công đất, bà T hoàn lại ông C 124.331.000đ.

Đối với nền nhà bà B đứng tên: Năm 2018, bà B ủy quyền cho ông C, bà T nhận được tiền bồi thường và nhận nền tái định cư. Đối với suất tái định cư thì tại thời điểm nhà nước thu hồi đất có chủ trương được giao nền tái định cư, chủ trương này được quy định tại Công văn số: 7510/UBND-NNTN ngày 22/9/2017 và Công văn số: 7560 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau thì hộ dân có đất bị thu hồi sẽ được ưu tiên hoán đổi nền tái định cư. Sau khi có kết luận của Đoàn Thanh tra Trung ương, thì tại Công văn số: 6409/UBND-NNTM ngày 02/11/2020 thu hồi hai văn bản 7510 và 7560, nghĩa là UBND tỉnh không cho hoán đổi đất, không cấp đất tái định cư đối với hộ dân có đất bị thu hồi. Do không còn được giao nền tái định cư cho nên tại thời điểm bà T gửi đơn ly hôn tháng 01/2020, Tòa xét xử ngày 11/01/2021, trong suốt 01 năm Tòa án giải quyết thì bà T và ông C không đặt ra vấn đề nền nhà của bà B vì cả hai xác định không còn được giao nền nhà tái định cư. Sau đó bà B mua nền nhà từ Công ty không liên quan đến bà T, ông C, án sơ thẩm kết luận nền nhà bà B mua từ Công ty là tài sản chung và giao nền nhà cho bà T là không có căn cứ.

Theo ông C trình bày, trước khi kết hôn thì ông C có tài sản riêng và từ đó phát sinh lợi nhuận từ tài sản riêng của ông C; vợ chồng ly hôn đầu năm 2021 và đã phân chia tài sản xong, đến cuối năm 2021 bà T lại tiếp tục yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, ông C không đồng ý yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà xác định không có liên quan gì đến bà B, vì bà chỉ là người được ủy quyền làm thủ tục giấy tờ, sau này bà B hủy văn bản ủy quyền nên bà không còn liên quan gì. Ngoài ra, bà xác định có mua của ông C phần đất tại phường Tân

xuyên, thành phố C. Phần đất này ông C có trước thời kỳ hôn nhân với bà T, sau này ông C chuyển nhượng lại cho bà với giá 280.000.000đ, khi nhận tiền bà T có ký nhận. Bà Hạnh cho biết bà không có yêu cầu gì trong vụ án này và không còn liên quan gì, vì vậy bà xin được vắng mặt các lần Tòa án mời hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị B trình bày:

Vào năm 2011, ông V (là chú chồng cũ) nhờ bà đứng tên 01 thửa đất trồng lúa diện tích 500m². Đến năm 2018 ông V bán đất cho ông C, bà T, việc ông V sang bán cho ông C bà không liên quan. Theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau ai bị thu hồi đất thì được bố trí nên tái định cư, nhưng sau đó hủy bỏ chủ trương này, cho nên bà B hủy hợp đồng ủy quyền với bà T bởi vì người bị thu hồi đất không được bố trí nên tái định cư mà chỉ nhận được tiền bồi thường, bà đã nhận 95.000.000đ và đã giao cho vợ chồng ông C.

Bà B nhận sang nhượng nền nhà với Công ty 268 mua phần đất 100m² thuộc Lô 83, khu BD9, thửa 237, Tờ bản đồ 38 tại khóm 1, phường Tân Thành, TP Cà Mau giá 485 triệu đồng, việc bà B mua nền nhà không liên quan đến ông C và bà T. Đến ngày 10/6/2021 bà B bán lại cho bà Hoàng Thị H và bà H đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, hiện nay bà B không liên quan đến nền nhà, bản án sơ thẩm buộc bà B giao nền nhà cho bà T thì bà B không đồng ý vì nền nhà bà mua từ Công ty và đã bán lại cho người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B trình bày:

Bà có bán cho ông Toán 02 thửa nền vị trí ND 22 - 53 và ND22 - 54 trong khu đô thị Happy Home thành phố C. Ông Toán đã thanh toán bằng tiền mặt cho bà đủ. Đồng thời để ghi nhận việc mua bán đất ngày 25/6/2019, bà và ông Toán đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Nguồn gốc của hai thửa đất nêu trên là bà mua của ông Hoàng Thế C với giá khoảng 680.000.000đ và có lập tờ thỏa thuận mua bán đất ngày 10/6/2019 để xác nhận việc mua bán đất. Bà không liên quan đến vụ án, từ chối tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày:

Vào năm 2011, ông C đứng tên dùm ông V (Vét là cha vợ Cuộc) thửa đất trồng lúa 700m² tọa lạc phường Tân Thành, thành phố C. Năm 2018, ông V bán đất cho ông C và bà T, ông V kêu ông ra Phòng công chứng ký tên hợp đồng ủy quyền cho ông C và bà T để ông C và bà T nhận suất mua nền tái định cư trong khu đô thị sau này do thửa đất nằm trong quy hoạch nên không trực tiếp mua bán được mà phải mua bán thông qua hợp đồng ủy quyền. Sau đó, ngày 15/01/2021 ông C điện thoại kêu qua Văn phòng công chứng ký vào văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện công việc được ủy quyền giữa ông C và ông C, bà T. Các văn bản, hợp đồng trên ông chỉ ký giúp ông C khi ông C kêu ông ra ký, không nhận lợi ích vật chất từ ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh L trình bày:

Ông L là em ruột ông C. Vì là sui gia với gia đình ông, vào năm 2011, ông V nhờ ông L đứng tên dùm cho thửa đất trồng lúa 500m² tọa lạc phường Tân

Thành, thành phố C. Năm 2018, ông V bán đất cho ông C và bà T, ông V kêu ông ra Phòng công chứng ký tên hợp đồng ủy quyền cho ông C và bà T để ông C và bà T nhận suất mua nền tái định cư trong khu đô thị sau này do thừa đất nằm trong quy hoạch nên không trực tiếp mua bán được mà phải mua bán thông qua hợp đồng ủy quyền. Sau đó, ngày 11/01/2021 ông C điện thoại kêu qua Văn phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền cho ông Lê Văn Toán và có ký văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện công việc được ủy quyền giữa ông L và ông C, bà T. Việc đứng tên dùm, ký vào các văn bản ông không có lợi ích gì và từ chối không nhận văn bản của Tòa án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 100/2022/HNGĐ-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Công nhận nền tái định cư lô số 83 khu BD 9 diện tích 100m² tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 38 tại dự án nhà ở thương mại an sinh (Happy Home) là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Thế C.

Bà Nguyễn Thị T được nhận nền. Buộc bà Tô Thị B có nghĩa vụ chuyển giao trả cho bà Nguyễn Thị T.

Bà T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền về đất đai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Công nhận số tiền 700.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Thế C.

Bà Nguyễn Thị T được chia $\frac{1}{2}$ số tiền 700.000.000đ từ việc ông Hoàng Thế C chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc B 02 xuất tái định cư. Bà Nguyễn Thị T được nhận số tiền 350.000.000đ.

Ông Hoàng Thế C được chia $\frac{1}{2}$ số tiền 700.000.000đ từ việc ông chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc B 02 suất tái định cư. Ông Hoàng Thế C được nhận số tiền 350.000.000đ, hiện ông C đang quản lý số tiền này nên tiếp tục được quản lý mà không đặt ra việc hoàn trả.

Ông Hoàng Thế C được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nền nhà với số tiền là 242.500.000đ.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Thế C số tiền 242.500.000đ khi bản án có hiệu lực.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia phần tài sản chung đối với ông Hoàng Thế C số tiền chênh lệch là 20.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/6/2022 bị đơn ông Hoàng Thế C kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà T.

Ngày 07/6/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị B kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu

bà giao trả nền tái định cư lô số 83 khu BD 9 diện tích 100m² tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 38 tại dự án nhà ở thương mại an sinh phường Tân Thành, thành phố C.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bà T trình bày: Đồng ý với án sơ thẩm; bà B chỉ đứng tên dùm còn đất do Cường mua; trong thời kỳ hôn nhân tiền lãi Ngân hàng bà T đóng nhiều hơn ông C; 01 công đất bà được nhận khi ly hôn không phải dùng số tiền 700 triệu đồng để mua.

- Bị đơn ông C và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Căn cứ kháng cáo: Tại cấp sơ thẩm không tổ chức hòa giải được, ngày xét xử Cường là thành viên của Đoàn công tác, Cường có lý do chính đáng xin hoãn phiên tòa, nhưng cấp sơ thẩm xử vắng mặt ông C, Cường không trình bày được ý kiến, đã gây bất lợi cho ông C; Án sơ thẩm nhận định Tho không có chỗ ở là không đúng, vì tại bản án ly hôn, chia tài sản tháng 01/2021 bà T được nhận 01 công đất, được ông C tặng cho riêng 01 nền nhà và chia một số tiền. Án sơ thẩm giao đất cho bà T là không có cơ sở vì nền bà B tự mua, bà T không xuất tiền ra mua nhưng lại yêu cầu chia, tại thời điểm ký hợp đồng ủy quyền thì các bên phải chấp nhận chịu rủi ro nếu chính sách về tái định cư thay đổi; đối với số tiền 700 triệu đồng đã sử dụng hết trong thời kỳ hôn nhân.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B trình bày: Bà B xin vắng mặt vì tổ chức tiệc thôi nôi cho con.

Bà B đã hỗ trợ cho Cường, Tho các thủ tục liên quan và Biên nhận tiền bồi thường 95 triệu đồng đã giao đủ cho ông C. Cuối năm 2020 UBND tỉnh có văn bản không cho hoán đổi nền tái định cư, không được cấp nền tái định cư. Bà T thừa nhận khi giao dịch với ông Vét, Lấn, Cuộc, Biên mục đích để hưởng chính sách tái định cư, cho nên các bên phải chịu rủi ro khi chính sách thay đổi; đất do bà B mua mới, Biên xuất tiền ra mua và sau đó Biên đã bán cho người khác; yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của bà T về chia tài sản chung là nền nhà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông C và kháng cáo của bà B; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm công nhận nền tái định cư lô số 83 khu BD 9 diện tích 100m² tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 38 tại dự án nhà ở thương mại an sinh (Happy Home) là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Thế C. Bà T được nhận nền. Buộc bà Tô Thị B có nghĩa vụ chuyển trả nền nhà cho bà T. Bà T hoàn trả cho Cường ½ giá trị nền nhà bằng là

242.500.000 đồng; công nhận số tiền 700.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông C, bà T được nhận số tiền 350.000.000 đồng từ ông C giao.

Ông C, bà B kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn Hoàng Thế C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

[2.1] Ông C kháng cáo đối với khoản tiền 700.000.000 đồng, án sơ thẩm buộc ông hoàn trả cho bà T $\frac{1}{2} = 350.000.000$ đồng, ông không đồng ý vì cho rằng số tiền này vợ chồng đã sử dụng trong thời kỳ hôn nhân, dùng mua 01 công đất, bà T cho vay và trị bệnh cho bà T

Nhận thấy, bà T ông C đều xác nhận nguồn gốc số tiền 700.000.000đ có được từ bán việc hai suất nền tái định cư cho bà B vào tháng 6/2019; hai nền tái định cư nguyên là do ông C, Lấn đứng tên sau đó ủy quyền lại cho ông C, sự việc ủy quyền bà T biết và sự việc bán lại cho Bích bà T biết và tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác định biết từ cuối năm 2019.

Theo như ông C khai thì bà T nhận 305.000.000 đồng tại Ngân hàng, điều trị bệnh trầm cảm cho bà T và mua lại 01 công đất giá 210.000.000 đồng, đóng lãi vay Ngân hàng, nhưng phía bà T và không thừa nhận; Tuy nhiên, lời trình bày của ông C được chứng minh đó là: sự thật thời kỳ hôn nhân hai đương sự mua 01 công đất nông nghiệp tại khóm 1, phường Tân Thành, thành phố C và tại bản án ly hôn, phân chia tài sản thì bà T nhận 01 công đất này; bà T có bị bệnh trầm cảm được khai nhận tại bản án ly hôn trước đây và tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác nhận bị bệnh từ năm 2014 và phải điều trị dài hạn; ông C có cung cấp biên lai rút tiền 305.000.000 đồng tại Ngân hàng ngày 11/10/2019 và tại bản án ly hôn số 08/2021 thể hiện ông C, bà T vay vốn 01 tỷ đồng phải đóng lãi Ngân hàng khoảng 8 triệu đồng/tháng; như vậy, Số tiền 700.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và thực tế khi chưa ly hôn vợ chồng đã chi những khoản như ông C trình bày trên là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Theo quy định tại Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”, nhận thấy theo như ông C trình bày thì những khoản chi nhằm mang lại lợi ích chung cho gia đình và cá nhân bà T, ông C. Nếu như số tiền 700.000.000đ còn tồn tại thì tại sao tháng 01 năm 2020 bà T gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn, chia tài sản bà T lại không đặt ra để chia số tiền 700.000.000 đồng, theo như bà T trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2022 có nội dung: *trong vụ án ly hôn mà Tòa án thụ lý năm 2020, xét xử năm 2021 thì bà T có đặt ra yêu cầu chia tài sản này, nhưng do ông C giữ biên nhận nên bà rút lại đơn yêu cầu.* Lời trình bày này của bà T không đúng sự thật, vì Tòa án ấn định cho bà thời gian nộp đơn yêu cầu nhưng bà không thực hiện.

Như vậy, số tiền 700.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng ly hôn các đương sự không đặt ra để phân chia; với phân tích trên, Hội đồng xét xử

không có căn cứ buộc ông C đang sở hữu số tiền này, cho nên không thể buộc ông C phải chia cho bà T ½.

[2.2] Xét kháng cáo của ông C đối với nền nhà bà B nhận sang nhượng từ Công ty Cổ phần thương mại phát triển S 268 (viết tắt Công ty 268) không phải là tài sản chung

Theo như lời khai của bà B, năm 2011 bà B đứng tên dùm cho ông V 500m² đất trồng lúa, phần đất này nhà nước có quyết định thu hồi từ năm 2011 để làm dự án nhà ở thương mại an sinh (Happy Home) do Công ty 268 làm chủ đầu tư. Năm 2018, ông V và ông C giao dịch như thế nào về phần đất thì bà không nắm rõ, nhưng bà B có lập văn bản ủy quyền cho bà T ông C để nhận tiền bồi thường và nhận nền tái định cư; nhưng đến tháng 11/2020, UBND tỉnh Cà Mau không cho phép người bị thu hồi đất nhận nền tái định cư, cho nên bà B đã hủy văn bản ủy quyền với bà T, ông C; tháng 03/2021 bà B nhận 95.000.000 đồng tiền bồi thường và giao đủ cho ông C, xem như giữa bà với ông C, bà T không còn liên quan đến phần đất bị thu hồi giải tỏa; ngày 19/4/2021 Bà B nhận sang nhượng nền nhà với Công ty 268 mua phần đất 100m² thuộc Lô 83, khu BD9, thửa 237, Tờ bản đồ 38 tại khóm 1, phường Tân Thành, thành phố C giá 485.000.000 đồng, việc bà B mua nền nhà không liên quan đến ông C, bà T. Đến ngày 10/6/2021 bà B bán lại cho bà Hoàng Thị Hường và bà Hường đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay bà B không liên quan đến nền nhà, bản án sơ thẩm buộc bà B giao nền nhà cho bà T là thiệt hại đến quyền lợi bà B.

Qua xem xét toàn diện các chứng cứ, lời khai của các đương sự thể hiện: Quyền sử dụng đất 500m² do bà B đứng tên có quyết định thu hồi từ năm 2011; bà B đứng tên dùm cho ông Vét, giữa ông V và Cường thỏa thuận nhượng lại suất nhận nền tái định cư; cho nên năm 2018, bà B lập văn bản ủy quyền cho ông C bà T để nhận tiền bồi thường và nhận nền nhà tái định cư. Tại thời điểm các bên lập hợp đồng ủy quyền thì thời điểm đó UBND tỉnh có chủ trương hộ nào bị thu hồi đất thì được hoán đổi nền tái định cư, được quy định tại Công văn số: 7510/UBND-NNTN ngày 22/9/2017 và Công văn số: 7560 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, nhưng đến cuối năm 2020 thì chủ trương trên không được thực hiện, không được hoán đổi nền, không được cấp nền tái định cư thể hiện tại Công văn số: 6409/UBND-NNTM ngày 02/11/2020 thu hồi hai văn bản 7510 và 7560.

Qua đó cho thấy tại thời điểm các bên ký kết thỏa thuận biết rõ quyền sử dụng đất đã có quyết định thu hồi, nhưng vẫn cố tình ký kết hợp đồng ủy quyền để được hưởng ưu đãi, đến khi UBND tỉnh không thực hiện chính sách ưu đãi thì các bên ký kết văn bản ủy quyền phải tự chịu rủi ro. Cụ thể trong vụ án này, bà B ủy quyền cho Cường, Tho nhận tiền bồi thường và nhận nền tái định cư, khi chính sách thay đổi, không được nhận nền nhà tái định cư thì bà B chấm dứt việc ủy quyền và bà B đã nhận tiền bồi thường giao đủ cho ông C.

Ngày 19/4/2021, Bà B và Công ty 268 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, điều khoản thể hiện sau khi bàn bạc và thống nhất, hai bên đã thỏa thuận và tự nguyện ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng 485.000.000 đồng là tiền của bà B chứ không phải tiền của ông C, bà T và

sau đó bà B đã sang bán cho người khác. Do vậy, không có cơ sở để xác nhận nên nhà bà B mua từ Công ty 268 là tài sản chung của bà T, ông C là phù hợp với lời khai của bà T thể hiện tại các biên bản ghi lời khai:

Tại bút lục 241: số tiền mua đất 137,5 triệu đồng tôi (Tho) nhận từ chị ruột Nguyễn Hồng Cẩm để mua hộ chị Cẩm;

Bút lục 238: Ông C nói tiền mua đất là mượn của Hạnh còn nợ Hạnh 280 triệu đồng nên lúc đầu nhờ Tho đứng tên dùm; Tho khẳng định với Biên tiền của chị Cẩm nhờ mua và chị Cẩm nhờ Tho đứng tên dùm.

Bút lục 236: Tiền mua đất của bà B do chị Cẩm nhờ mua và nhờ Tho đứng tên dùm.

Bút lục 237: Cuối năm 2017, vợ chồng không đủ tiền mua đất nên rủ vợ chồng Hạnh và Cẩm cùng mua.

Với những chứng cứ nêu trên, bà T không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh nên nhà là tài sản chung; do đó, khi yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu chia tài sản vào đầu năm 2020 và đã được Tòa án giải quyết tháng 01/2021 thì bà T không đặt ra yêu cầu này. Vì vậy, kháng cáo của ông C về nên nhà bà B mua từ Công ty không phải là tài sản chung của bà T và ông C là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền nhận bồi thường 95.000.000 đồng, bà B nhận tháng 4/2021 giao đủ cho ông C. Theo như ông C trình bày, thời điểm này vợ chồng đã ly hôn và theo ông thì 95.000.000 đồng là tài sản riêng của ông, vì thời kỳ hôn nhân tài sản tạo lập được chủ yếu phát sinh từ tài sản riêng của ông mà có và bản án ly hôn, chia tài sản năm 2021 ông C đã ưu tiên chia cho bà T 30% giá trị tài sản hình thành từ tài sản riêng của ông.

Tuy nhiên, vì tình nghĩa ông tự nguyện chia cho bà T $\frac{1}{2}$ số tiền bằng 47.500.000 đồng; xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông C, được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà B yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà B giao trả nên nhà thuộc lô số 83 khu BD 9 diện tích 100m² tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 38 tại phường Tân Thành, thành phố C

Nội dung kháng cáo của bà B cùng với nội dung kháng cáo của ông C đã được nhận định tại mục [2.2]; như nhận định tại mục [2.2] thì nên nhà bà B nhận chuyển nhượng từ Công ty 268 không phải là tài sản chung của bà T và ông C. Cho nên kháng cáo của bà B được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông C, bà B; sửa bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí có giá ngạch có thay đổi, bà T và ông C mỗi người phải chịu 2.375.000 đồng, bà T dự nộp được đối trừ.

- Án phí phúc thẩm đương sự không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Hoàng Thế C và bà Tô Thị B; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 100/2022/HNGĐ-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Nền nhà lô số 83 khu BD 9 diện tích 100m² tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 38 tại dự án nhà ở thương mại an sinh (Happy Home) phường T, thành phố C do bà Tô Thị B nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần thương mại phát triển S 268 và bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Thế C.

- Số tiền 700.000.000 đồng mà ông Hoàng Thế C chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc B 02 suất ưu tiên mua nền tái định cư tại dự án nhà ở thương mại an sinh (Happy Home) phường T, thành phố C, trong thời kỳ hôn nhân ông C, bà T đã sử dụng hết.

- Bà Nguyễn Thị T được chia ½ của số tiền 95.000.000 đồng từ việc ông Hoàng Thế C nhận bồi hoàn từ bà Tô Thị B giao. Bà Nguyễn Thị T được nhận số tiền 47.500.000 đồng từ ông C giao. Ông Hoàng Thế C có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị T số tiền 47.500.000 đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Thế C mỗi người chịu 2.375.000 đồng; ngày 19/11/2021 bà T đã dự nộp 13.200.000 đồng theo biên lai số 0000657 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, bà T được nhận lại 10.825.000 đồng.

2.2. Án phí phúc thẩm ông C, bà B không phải chịu, mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại. Bà Tô Thị B dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001512 ngày 08/6/2022; ông Hoàng Thế C dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001515 ngày 09/6/2022.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

